

Lesson

8

VERB FORMS

Let's Learn!

Bare Infinitive

★ Động từ nguyên mẫu (nguyên thể) là động từ giữ nguyên dạng, không chia động từ.

★ Hình thức: V / not V

★ Các trường hợp sử dụng động từ nguyên mẫu:

- Đứng sau động từ khuyết thiếu: can, could, may, might, will, would, should, had better, must, etc.

Examples: ▶ You **should** wake up earlier in the morning.

- Đứng sau một số động từ: let (cho phép), make (bắt), help (giúp), have (nhờ, bão)

Examples: ▶ My father will **let** me go to the party tonight.

- Cấu trúc**

S + would rather + V (*muốn làm gì*)

S + V + rather than + V (*yêu thích hơn*)

Examples: ▶ Jane would **rather** go to Paris by plane.





Examples:

- ▶ This room is large enough for us **to stay** in.
- ▶ They ran fast enough **to catch** the bus.
- ▶ There are enough chairs for everyone **to sit** on.

• **Không cần thiết làm gì:**

There's no need + to V

Examples:

- ▶ There's no need **to hurry** because we still have a lot of time.

• **Thấy như thế nào khi làm gì:**

S + find + it + Adj + to V

Examples:

- ▶ I found it difficult **to learn** Japanese.

• **Tốn bao nhiêu thời gian làm gì:**

It + takes + SB + time + to V

Examples:

- ▶ It took me 2 hours to finish my homework.

Gerund

★ **Danh động từ là động từ được thêm đuôi "ing" ở phía sau.**

★ **Hình thức: V-ing / not V-ing**

★ **Các trường hợp sử dụng danh động từ:**

- **Đóng vai trò là một danh từ, đứng đầu câu làm chủ ngữ hoặc tân ngữ sau động từ.**

Examples:

- ▶ **Swimming** is a very good form of exercise.
- ▶ My hobby is **playing** chess.

- **Đứng sau giới từ và một số liên từ:** Các giới từ, liên từ thường gặp: *in, on, at, of, with, for, from, about, without, before, after, when, while, etc.*

Examples:

- ▶ Helen is excited about **studying** abroad.
- ▶ Remember to turn off the lights before **leaving**.

- **Đứng sau một số động từ cố định (một số động từ hay gặp):**

admit	thừa nhận	keep	giữ, duy trì
avoid	tránh	mind	phiền
busy	bận	miss	bỏ lỡ
consider	cân nhắc	practice	luyện tập
deny	phủ nhận	recommend	gợi ý
discuss	thảo luận	risk	liều
imagine	tưởng tượng	suggest	gợi ý

Examples:

- ▶ They suggested **not buying** this car.

★ Một số nhóm động từ và cấu trúc khác:

- **Động từ chỉ tình cảm:** enjoy, like, love, prefer, fancy, feel like, adore, hate, dislike, detest, etc.

Examples:

- ▶ Lucy enjoys **travelling** by bus.

- **Động từ mang nghĩa “bắt đầu”, “kết thúc”, “trì hoãn”, tiếp tục”:** start, begin, finish, quit, delay, postpone, continue

Examples:

- ▶ Have you finished **reading** that book?

- **Động từ, cụm từ đi kèm “to”:**

- be used to (đã quen làm gì)
- get used to (tập làm cho quen)
- look forward to (mong chờ)



Examples:

- ▶ We are looking forward **to hearing** from you soon.



• **Vô ích khi làm gì:**

- It's no use / no good V-ing
- There's no point (in) V-ing

Examples: ▶ It's no use **arguing** with a silly person.

• **Gặp khó khăn, rắc rối khi làm gì:**

S + have + difficulty/ problem/ trouble (in) + V-ing

Examples: ▶ I had no difficulty in **learning** English.

• **Dành tiền, thời gian làm gì / Tốn tiền, thời gian làm gì:**

S + spend/ waste + time/ money + V-ing

Examples: ▶ Peter spends a lot of money **(on) buying** toys.
▶ I wasted two hours **playing** games.

• **Không chịu đựng được, không thể không...làm gì:**

Can't / Couldn't + help/ bear/ stand/ ... + V-ing

Examples: ▶ I **can't stand waiting** in a long queue.

Special cases

★ **Những động từ dưới đây theo sau vừa là To V, vừa là V-ing mà không thay đổi về nghĩa hoặc có sự thay đổi không đáng kể:**

★ **Động từ chỉ tình cảm: like, love, hate, prefer**

★ **Động từ chỉ sự bắt đầu, tiếp tục: begin, start, continue**

Examples: ▶ Jane loves **playing / to play** tennis.

★ Những động từ dưới đây theo sau vừa là To V, hoặc V-ing nhưng mang nghĩa khác nhau:

Try + to V: cố gắng làm gì

Try + Ving: thử làm gì

Examples:

► Students **try to pass** the final exam.

► I will **try wearing** this shirt before I buy it.

Stop + to V: dừng lại để làm gì

Stop + Ving: dừng làm gì

Examples:

► We stopped at the market **to buy** some food.

► My father stopped **smoking** 2 years ago.

Remember + to V: nhớ phải làm gì

Remember + Ving: nhớ đã làm gì rồi

Examples:

► Remember to **send** this letter to Linda.

► I remember **visiting** London in 2018

Forget + to V: quên phải làm gì

Forget + Ving: quên rằng đã làm gì rồi

Examples:

► Don't forget **to go** to the supermarket.

► I forget **seeing** you somewhere in this city.

Regret + to V: tiếc phải làm gì

Regret + Ving: hối hận vì đã làm gì

Examples:

► I regret **to tell** you that you won't be selected.

► I have bad marks now. I regret **not studying** hard.

Need + N / to V: cần gì / làm gì

Need + Ving/ to be PII: cần được làm gì

Examples:

► You need **to study** harder.

► This machine needs **fixing / to be fixed**.



- 8 They suggest **to reserve / reserving / lend** a table for three for eight o'clock in that Italian restaurant.
- 9 It's midnight, but my sister is trying **complete / completing / to complete** her work.
- 10 The principal doesn't allow us **to ride / ride / riding** our motorbikes to school for fear of **having / to have / have** accidents.
- 11 People used to **make / make / making** fire by **to rub / rubbing / rubbing** two sticks together.
- 12 My husband stopped **to drink / drink / drinking** coffee every night to avoid sleeplessness.
- 13 Mary has reminded me **not to be / not being / not be** late for the meeting tomorrow.
- 14 John and I went for a jog after I finished **washing up / to wash up / wash up** the dishes.
- 15 Antony always helps me **fixing / fix / to fix** my computer when it has troubles.

Exercise 14. Underline the correct answer.

Gạch chân dưới phương án đúng.

- 1 I don't want **cook | to cook | cooking** tonight – let's have a takeaway.
- 2 No! I refuse **work | to work | working** in the weekend.
- 3 They finally succeeded in **build | to build | building** their dream house.
- 4 Do you like watching TV or do you prefer **play | playing | to playing** computer games?
- 5 I started **like | to liking | to like** James after he helped me with my problem.
- 6 I'm going to get annoyed if you don't stop **make | to make | making** that noise!

7 It was very kind of Jack **drive | to drive | driving** me to the airport this morning.

8 **Draw | To Drawing | Drawing** is great fun!

9 John can't stand **to ride | riding | ride** his bike in the hot sun for hours.

10 I thought we discussed **go | going | to go** to Singapore and now you want **go | to go | going** to Malaysia!

11 Do you mind **asking | to ask | ask** Jenny to come into my office, please?

12 Your parents need **to know | knowing | to knowing** your test result.

13 I'll never forget **win | to win | winning** the lottery.

14 Everyone in the factory has to learn how **to use | use | using** this machine.

15 I always avoid **make | to make | making** mistakes when taking a test.

Exercise 15. Circle the correct answer.

Khoanh vào phương án đúng.

1 Dave keeps late at school.
A. arrive B. arriving C. to arrive

2 He tried but she refused
A. to explain – to listen B. explaining – to listen
C. to explain – listening

3 Sarah is better at than her brother.
A. swim B. swimming C. to swim

4 It is difficult to get used to with chopsticks.
A. eat B. to eat C. eating



The boys like games but hate their homework.

5 A. playing – doing B. to play – to do
C. Both A & B

Mr. Buck warned his daughter with matches.

6 A. not playing B. not to play
C. not play

7 My sister never lets me her things.

A. use B. using C. to use

8 When the singer appeared on stage, the audience began loudly.

A. shout B. shouting C. to shouting

9 I regret you that we can't find your missed luggage.

A. to tell B. to telling C. telling

10 He postponed a decision till it was too late anything.

A. to make – doing B. making – doing
C. making – to do

11 Would you mind me with all those shopping bags?

A. helping B. to help C. help

12 By hard all day and night, he succeeded in the project in time.

A. working – to launch B. working – launching
C. to work – to launch

Your dress needs; would you like me it for you?

Sandy seems very hardworking. She always goes to the library after school.

A. be B. to be C. being

..... on this beach is much more pleasant than in the office.

Exercise 16. Circle the correct answer.

Khoanh vào phương án đúng.

1 Janet expected a scholarship to study abroad.

A to get B to getting C get D getting

2 You mustn't anyone about it.

A to tell B tell C to telling D telling

3 Please don't forget these letters on the way home.

A to post B posting C post D to posting

4 He managed the project on time.

A complete B completing
C to complete D to completing

5 Do you fancy out with me tonight?

A eating B eat C to eat D to eating

6 She prefers football to

A playing / to cook B playing / cooking
C to play / cooking D to play / cook



7 It takes me 20 minutes to work.

A get B getting C to getting D to get

8 You should consider their invitation.

A accept B to accept C accepting D to accepting

9 Tom will do anything to avoid to school, He's so lazy.

A to walking B walking C walk D to walk

10 We failed on time due to the road works.

A to arrive B to arriving C arrive D arriving

11 They spend a lot of time their pets.

A take care of B to take care of
C taking care of D to taking care of

12 Do you get used to on the left?

A drive B to drive C driving D to driving

13 Our head teacher makes us all by heart all the new words every day.

A to learn B learn C learning D to learning

14 My mum suggested a picnic, but I didn't think that was a good idea.

A having B have C to having D to have

15 In autumn, the farmers are busy

A to harvest B to harvesting
C harvesting D harvest

16 Sometimes, I find it difficult my homework.

A doing B to do C to doing D do

17 I would hate in a small town.

A to live B live C living D to living

18 We are looking forward on the beach during our future summer holidays.

A to lie B lying C lie D to lying

19 He tried to deny the money, but no one believed him.

A take B to take C taking D to taking

20 I'm sure you won't get lost. Just keep on along this road.

A drive B to drive C to driving D driving

Exercise 17. Circle the correct answer.

Khoanh vào phương án đúng.

1 My younger brother detests ____ early in the morning.

A. get up B. getting up C. to get up D. to getting up

2 I asked Tony ____ the dog, but he was so busy.

A. feed B. feeding C. to feed D. to feeding

3 You'd better ____ money ____ a new computer.

A. save – to buy B. saving – to buy
C. to save – buying D. save – buying

4 Dad, can you help me ____ my bike before ____ to work?

A. to fix – go B. fix – going
C. fixing – going D. to fix – to go

5 My mum won't permit us ____ to the concert next Saturday.

A. go B. going C. to go D. to going

6 Do you regret ____ sorry to Jack?

A. not to say B. not saying C. not say D. not to saying

7 They choose ____ English because they hope ____ a job abroad.

A. to study – to find B. studying – finding
C. studying – to find D. study – to find



8 _____ fruit and vegetables every day is necessary.

A. To add B. To adding C. Adding D. Add

9 My elder sister had me _____ her a loaf of bread on the way home.

A. to buy B. buy C. buying D. to buying

10 Could you remind me _____ this letter to Ms. Anna?

A. sending B. to sending C. to sending D. to send

11 It was rather childish of him _____ when he did badly in the test.

A. cry B. to cry C. crying D. to crying

12 I'm getting used _____ in Paris alone.

A. to living B. to live C. live D. living

13 Do you think it is easy _____ a foreign language?

A. learn B. to learning C. to learn D. learning

14 I finished _____ at 5 p.m., so we can _____ then.

A. work – meet B. working - to meet
C. working – meet D. to work – meeting

15 I had a lot of difficulty _____ an apartment in Tokyo because the price was too high.

A. finding B. to find C. to finding D. find

16 Carol didn't accept _____ for my company.

A. to work B. working C. work D. to working

17 Patrick promised _____ back before midnight.

A. be B. being C. to being D. to be

18 There is always a traffic jam here, so more bridges need _____.

A. to build B. building C. build D. to building

19 Would you like _____ my resort next Saturday?

A. visit B. to visit C. visiting D. to visiting

20 They borrowed some money from me ____ two flight tickets to the USA.

A. buy B. to buying C. buying D. to buy

Exercise 18. Circle the correct answer.

Khoanh vào phương án đúng.

1 My sister is glad her old friends again.

A. to see B. see C. seeing D. to seeing

2 We always try the best results in each examination.

A. to get B. getting C. get D. to getting

3 Dad suggested to the cinema together yesterday evening.

A. to go B. going C. go D. to going

4 I hope a new guitar from my father.

A. receiving B. receive C. to receive D. to receiving

5 I can't stand 12 hours a day.

A. work B. working C. to work D. to working

6 It is important a healthy breakfast.

A. have B. having C. to having D. to have

7 After our exercises, we played outside together.

A. finishing B. finish C. to finish D. to finishing

8 I am not used in such a noisy street like this.

A. live B. to live C. to living D. living

9 Mike managed his driving licence after four tries!

A. to getting B. to get C. getting D. get



10 Would you mind some cookies for me?
 A. to make B. make C. to making D. making

11 If you want better, there's nothing like laughter.
 A. get B. getting C. to get D. to getting

12 The weather seems better. What about a picnic this weekend?
 A. to be B. being C. to being D. be

13 My father started in the bank two years ago.
 A. to work B. work C. working D. both A & C

14 My dad stopped because we told him it wasn't right for nature.
 A. to hunt B. hunt C. hunting D. to hunting

15 Antony studies hard because he tries the entrance examination.
 A. passing B. to pass C. pass D. to passing

16 It was nice of him me the way to the train station.
 A. show B. to show C. showing D. both B & C

17 Can you help me up this tent?
 A. to put B. putting C. put D. both A & C

18 Sam hates overtime, so he quit his job.
 A. working B. to work C. work D. both A & B

19 Could you imagine a computer at home?
 A. not have B. not having C. not to have D. both B & C

20 The police made me them what I saw.
 A. tell B. to tell C. telling D. to telling

Exercise 19. Choose the sentence that is the closest in meaning to the original one.

Chọn câu gần nghĩa nhất với câu gốc.

1 Learning Chinese is extremely difficult.

- A. It is extremely difficult learning Chinese.
- B. It is extremely difficult to learn Chinese.
- C. It is extremely difficult to learning Chinese.
- D. It is extremely difficult learn Chinese.

2 My brother is very strong. He can lift a heavy table.

- A. My brother is enough strong to lift a heavy table.
- B. My brother is strong enough lift a heavy table.
- C. My brother is strong enough to lift a heavy table.
- D. My brother is strong enough lifting a heavy table.

3 That car is expensive. I cannot afford to buy it.

- A. That car is too expensive for me buying.
- B. That car is too expensive for me to buy.
- C. That car is expensive enough for me buying.
- D. That car is so expensive for me to buy.

4 It took us two days to explore this city.

- A. We spend two days to exploring this city.
- B. We spent two days to explore this city.
- C. We spent two days explore this city.
- D. We spent two days exploring this city.

5 You shouldn't watch TV too much. You wasted a lot of time.

- A. You wasted some time to watch TV.
- B. You wasted much time watching TV.
- C. You wasted a lot of time watching TV.
- D. You wasted a lot of time to watching TV.